

Số: 367 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Da Liễu do bác sĩ Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-SYT ngày 25/02/2022 của Sở Y tế về việc kiện toàn Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế; Quyết định số 5537/QĐ-SYT ngày 08/8/2017 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02813/SYT-GPHĐ ngày 16/09/2016, của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp đối với Bệnh viện Da Liễu do bác sĩ Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Theo hồ sơ số 1312200022 ngày 02/03/2022 của Bệnh viện Da Liễu đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Theo Biên bản họp Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế ngày 28/03/2022 thẩm định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Da Liễu do bác sĩ Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

[Chữ ký]

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế, thực hiện tại Bệnh viện Da Liễu do bác sĩ Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, địa chỉ số 2 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (gồm 125 kỹ thuật, danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đầu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

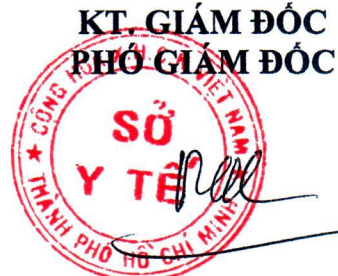
Điều 3. Giám đốc Bệnh viện Da Liễu và bác sĩ Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan, Giám đốc Bệnh viện Da Liễu và bác sĩ Nguyễn Trọng Hào chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NVY (PTLD).



Nguyễn Anh Dũng



**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN
DA LIỄU DO ÔNG NGUYỄN TRỌNG HÀO CHỊU TRÁCH NHIỆM
CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT**

(Kèm theo Quyết định số: 367 /QĐ-SYT ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Sở Y tế)

TT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		III. NHI KHOA				
		XVIII. DA LIỄU				
		A. NỘI KHOA DA LIỄU				
1.	2992	Điều trị da bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	
2.	2993	Điều trị da bằng tia tử ngoại từng phần	x	x	x	
3.	2996	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	x	x	x	
4.	2997	Ánh sáng xanh trị liệu bệnh da	x	x	x	
5.	2998	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	x	x	x	
6.	2999	Chăm sóc da điều trị bệnh da	x	x	x	
7.	3002	Áp nơ lỏng các khối u lành tính ngoài da	x	x	x	
8.	3004	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng	x	x	x	
9.	3007	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson	x	x	x	
10.	3010	Chăm TCA điều trị sẹo lõm	x	x	x	
		B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU				
11.	3011	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser: YAG-KTP, Argon...	x	x		
12.	3012	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng laser: YAG-KTP, Rubi, IPL...	x	x		
13.	3013	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng đốt điện, plasma, laser, nơ lỏng	x	x		

44

14.	3014	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x		
15.	3019	Điều trị sùi mào gà (gây tê tùy sống) bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x		
16.	3020	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x		
17.	3021	Phẫu thuật cắt bỏ các u nhỏ dưới móng	x	x		
18.	3025	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
19.	3026	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
20.	3030	Phẫu thuật móng: bóc móng, móng chọc thịt, móng cuộn...	x	x	x	
21.	3031	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	
22.	3033	Nạo vét ổ đái không viêm xương	x	x	x	
23.	3035	Điều trị hạt com bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
24.	3036	Điều trị hạt com phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
25.	3037	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng, gọt cắt bỏ	x	x	x	x
26.	3038	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
27.	3040	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
28.	3041	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
29.	3044	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
30.	3045	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
31.	3046	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x

32.	3047	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
33.	3048	Điều trị bớt sùi da đầu <0.5cm bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	x	x	x	x
		IX GÂY MÊ HỒI SỨC				
		D. GÂY TÊ				
34.	3366	Gây tê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	x	x		
35.	3475	Gây tê phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hờ mi (2 mắt)	x	x		
36.	3543	Gây tê phẫu thuật điều trị hờ mi				
37.	3661	Gây tê phẫu thuật Epicanthus	x	x		
38.	3665	Gây tê phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
39.	3689	Gây tê phẫu thuật ghép mỡ điều trị lõm mắt	x	x		
40.	3690	Gây tê phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	x	x		
		XVIII ĐIỆN QUANG				
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
41.	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
42.	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
43.	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
44.	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
		2. Siêu âm vùng ngực				
45.	11	Siêu âm màng phổi	x	x		
46.	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
		3. Siêu âm ổ bụng				
47.	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận,	x	x	x	

44

		bàng quang)				
48.	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
49.	19	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	x	x		
50.	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
51.	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
52.	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
53.	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x		
54.	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
55.	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
56.	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
57.	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
58.	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x	
59.	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x		
60.	33	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	x	x		
61.	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
62.	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
63.	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
		5. Siêu âm cơ xương khớp				
64.	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x	x		
65.	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	x	x		
		6. Siêu âm tim, mạch máu				
66.	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
67.	48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		

24

68.	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
		7. Siêu âm vú				
69.	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
70.	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
71.	57	Siêu âm tinh hoàn hai bên	x	x		
72.	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
73.	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
74.	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
75.	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
76.	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
77.	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
78.	74	Chụp Xquang hàm chéo một bên	x	x	x	
79.	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
80.	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
81.	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
82.	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
83.	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéo hai bên	x	x	x	
84.	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
85.	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
86.	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
87.	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x



44

88.	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên	x	x	x	x
89.	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
90.	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	x	x	x	
91.	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
92.	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	x	x	x	x
93.	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
94.	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	x	x	x	
95.	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
96.	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
97.	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
98.	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
99.	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
100.	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
101.	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
102.	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
103.	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
104.	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
105.	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
106.	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
107.	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
108.	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
109.	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x

✓✓

110.	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
111.	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
112.	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
113.	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
114.	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
115.	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
116.	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
117.	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
118.	127	Chụp Xquang tại giường	x	x	x	
119.	128	Chụp Xquang tại phòng mổ	x	x	x	
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị				
120.	130	Chụp Xquang thực quản dạ dày	x	x		
121.	135	Chụp Xquang đường dò	x	x		
		XXIV VI SINH				
		A VI KHUẨN				
122.	8	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	x	x		
		XXV GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC				
123.	36	Nhuộm xanh alcian	x	x		
124.	49	Nhuộm Grocott	x	x		
125.	78	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp tế bào học chất lỏng- Liquid-based cytology (Liqui Prep, Thin Prep...)	x	x		

mu

